

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM

TS. Phạm Huy Hùng

Phó Chủ tịch Hiệp hội DNNVV Việt Nam

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) Việt Nam có mặt ở hầu hết các địa phương, các ngành, các khu vực của nền kinh tế chiếm 98% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam (trong đó số doanh nghiệp có quy mô vừa chỉ chiếm 1,6%) đóng góp tới 45% GDP, 31% vào tổng thu ngân sách và thu hút hơn 5 triệu lao động. Do quy mô nhỏ, năng lực tài chính hạn chế, năng lực cạnh tranh thấp, nên khi đại dịch ~~Covid~~ COVID-19 diễn biến phức tạp, lan rộng, hoạt động của DNNVV gặp rất nhiều khó khăn, trong đó có tiếp cận các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh. Thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành có chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn¹ như cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp hỗ trợ, chế biến xuất khẩu. Để hỗ trợ các DNNVV bị ảnh hưởng do dịch COVID-19~~Covid~~—19, Chính phủ có Nghị định số 42/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Nghị quyết số 406/2021/NQ-QH15 về một số giải pháp giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) để hỗ trợ DN, người dân chịu tác động của đại dịch; Thành lập Quỹ phát triển DNNVV; Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các NHTM thu xếp các gói tín dụng với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay thương mại đối với DN nói chung, DNNVV nói riêng. Điều này sẽ tiếp thêm nhiều nguồn vốn giá rẻ trong bối cảnh sản xuất - kinh doanh của DN rất khó khăn. Các DNNVV với đại đa số là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh với đặc thù quy mô nhỏ, ít tài sản bảo đảm, chất lượng quản trị DN chưa cao, nên khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng hạn chế. Qua khảo sát chỉ có khoảng 38% đến 45% DNNVV tiếp cận được vốn tín dụng. Số lượng DNNVV chưa tiếp cận được vốn đều gặp trở ngại về các điều kiện, thủ tục vay vốn của ngân hàng như: tài sản đảm bảo, tỷ lệ vốn tự có, chứng minh khả năng tài chính, vấn đề quản trị DN, quản lý dòng tiền, trong khi các thông tin trên báo cáo tài chính lại chưa minh bạch.... Vì thế, thời gian qua đã có hàng chục nghìn DNNVV phải ngừng hoạt động hoặc giải thể do không có nguồn lực

¹ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP cho phép các TCTD cho vay không có TSBD đối với một số đối tượng khách hàng gặp tối đa 2 lần đối với quy định cũ tại NĐ số 41/2010. Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế chính sách, khuyến khích các DNNVV đầu tư vào nông nghiệp, theo đó DNNVV có DA đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, được NSDP hỗ trợ lãi suất vay thương mại không quá 70% tổng mức đầu tư của DA. Đối với DN khoa học & công nghệ, theo Nghị định 13/2019, các DN có DA khả thi được Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia cho vay với lãi suất ưu đãi, bảo lãnh tại các NHTM, hoặc hỗ trợ LSCV tối đa 50% lãi suất vay vốn tại các NHTM. NĐ 111/2015/ NĐ-CP về phát triển công nghiệp phụ trợ; Luật số 04/2018/QH14 luật về DNNVV.

Formatted: Left: 3 cm, Width: 21 cm,
Height: 29.7 cm

Formatted: Space Before: 0 pt, After: 6 pt

tài chính để tiếp tục thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh. Từ thực tế trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực tiếp cận vốn của DNNVV.

Thứ nhất: Xử lý điểm nghẽn khi vay vốn tại các NHTM:

- Vấn đề bảo đảm tiền vay: đây là yếu tố quan trọng trong quan hệ vay mượn. Về lý thuyết, các NHTM chỉ yêu cầu DN phải có **tài sản bảo đảm** khi DN chưa có uy tín với TCTD, thông tin chưa minh bạch... Nhưng trên thực tế, rất ít DNNVV đáp ứng được các yêu cầu của NHTM đưa ra, vì thế để giảm rủi ro trong cho vay, các NHTM yêu cầu phải có tài sản bảo đảm. Khắc phục điểm nghẽn này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, nhưng cho đến nay vẫn chưa tháo gỡ được khó khăn về bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Từ thực tế cho thấy, chúng tôi kiến nghị Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV chủ yếu là **bảo lãnh tín chấp** để đẩy mạnh khả năng tiếp cận vốn tín dụng có sự bảo lãnh của Quỹ.

Trong kinh doanh chấp nhận rủi ro đến mức nào là vấn đề rất quan trọng. Khi DN vẫn khó khăn tiếp cận tín dụng do rào cản tài sản bảo đảm tiền vay, thì việc xem xét khâu vị rủi ro tại mỗi NHTM sao cho hợp lý hơn với thực trạng các DNNVV cũng sẽ là một trong những biện pháp giúp DN tiếp cận vốn tín dụng thành công. Bên cạnh đó, cần thay đổi nhận thức về Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV **là hỗ trợ, trợ giúp, tạo điều kiện để DN vay được vốn**. Vì thế cần rà soát lại điều kiện DN được bảo lãnh theo hướng “thoáng” hơn điều kiện vay vốn từ NH, phối hợp với NH tăng cường thẩm định tính hiệu quả của phương án, dự án vay vốn, tăng cường kiểm tra sau khi cấp bảo lãnh cho DN vay vốn, đảm bảo rằng DN được bảo lãnh vay vốn sẽ trả nợ gốc và lãi vay đủ, đúng hạn cho NH. Có như vậy Quỹ bảo lãnh DNNVV mới đúng nghĩa là cầu nối để DN nâng cao khả năng vay vốn không có tài sản thế chấp tại các NHTM.

- Về lãi suất ngân hàng, tiếp tục rà soát theo hướng giảm lãi suất cho vay sâu hơn đối với DNNVV. Ở đây không chỉ đơn thuần là kêu gọi “sự chia sẻ của các NHTM với DN”, mà NH cần xem xét đến việc phân bổ và quản lý chi phí, quản lý hoạt động, quản lý rủi ro của ngân hàng một cách hiệu quả hơn. Bởi gốc của lãi suất ngân hàng vẫn từ hiệu quả SXKD, đây là mối quan hệ nhân quả, mang bản chất kinh tế. Chính sách lãi suất cả giai đoạn (6 tháng, hay cả năm) phải là dương, nhưng nền kinh tế có biểu hiện trì trệ, đình đốn, DN nói chung, DNNVV nói riêng dừng hoạt động, phá sản, thất nghiệp gia tăng, thì chính sách lãi suất cần phải được vận dụng linh hoạt hơn để nắn dòng đầu tư xã hội vào sản xuất kinh doanh, kiểm soát dòng tiền đầu tư vào chứng khoán (những ngày vừa qua TTCK Việt Nam vượt mốc 1500 điểm cũng cần soi kỹ các dòng vốn đổ

Formatted: Not Expanded by / Condensed by

vào)². Mặt khác, trong điều kiện cầu tín dụng còn yếu, thì việc giảm sâu hơn đầu ra cũng là việc nên tính đến để hỗ trợ vốn, giảm chi phí tài chính cho DN.

Thứ hai: Cần thiết thực hiện gói hỗ trợ lãi suất giúp DN phục hồi và phát triển. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước trình Chính Phủ, Quốc hội thu xếp gói hỗ trợ lãi suất (khoảng 7 -10% GDP), tương đương với mức dư nợ khoảng 100.000 tỷ đồng với thời gian tối đa 2 năm để hỗ trợ DNNVV³. Với quan điểm DN có tồn tại và phát triển thì người lao động mới có việc làm, do đó rất cần gói hỗ trợ này⁴. Để hạn chế tới mức tối đa những sai lầm do thực hiện gói hỗ trợ lãi suất như năm 2008 gây ra, không để các DN lợi dụng kẽ hở của chính sách, cần chú ý mấy vấn đề sau:

- Lãi suất hỗ trợ không thấp hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm của các NHTM

- Đánh giá đúng thực lực của DN từng ngành, từng lĩnh vực có chỉ số lan toả đến giá trị tăng thêm của nền kinh tế (dịch vụ: du lịch, giao thông, nghệ thuật, ăn uống, vui chơi, y tế cộng đồng...; DN khởi nghiệp sáng tạo; những DN tạo ra lợi thế cạnh tranh quốc gia...) để có hướng hỗ trợ và phân bổ nguồn lực vào ngành đó, khu vực đó.

- Để DN nhận được vốn từ gói hỗ trợ -lãi suất, nhưng các NHTM không thể giảm thấp điều kiện cho vay, rất cần kiến nghị với Chính phủ ban hành một quy định đặc thù để triển khai gói hỗ trợ lãi suất này một cách hợp lý và hiệu quả.

- Khi một lượng vốn lớn được đưa ra lưu thông, cần chú ý đến việc kiểm soát lạm phát. Phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa CSTT và CSTK với các CSKT khác trong việc bơm và hút tiền, để kinh tế vĩ mô ổn định.

Thứ ba: Đối với Quỹ Phát triển DNNVV do Bộ KH &ĐT quản lý: thời gian qua số lượng DNNVV tiếp cận trực tiếp và gián tiếp từ Quỹ này còn hạn chế. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cơ bản là: các điều kiện về vay vốn của Quỹ chưa phù hợp với thực tế doanh nghiệp và chặt chẽ hơn điều kiện vay vốn của ngân hàng. Vì vậy cần rà soát các điều kiện vay vốn theo hướng thông thoáng hơn, bằng cách tăng cường kiểm tra sau vay. Cần minh bạch trong các hoạt động của Quỹ: từ khâu tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thông tin cho vay và giải ngân thông qua dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí cho DNNVV.

² Bài " Dòng tiền cuộn cuộn đổ vào chúng khoán", tạp chí KTSG số 48, ngày 25/11/2021.

³ Tổng các gói hỗ trợ DNNVV trong thời gian vừa qua hơn 3% GDP, còn quá nhỏ, mới chỉ giải quyết khó khăn trước mắt về an sinh xã hội, vì thế cần có gói lớn hơn để hỗ trợ cho DNNVV đứng lên, phát triển trong thời gian tới.

⁴ Nhật bản vừa thông qua gói kích thích kỷ lục, lớn nhất từ trước đến nay, khoảng 450 tỷ đô la Mỹ, tương đương 1/10 tổng sản phẩm quốc nội. Nguồn CNBC, Japan Time, Nikkei Asia Review.

Formatted: Condensed by 0.1 pt

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Thứ tư: Phát triển nền tảng gọi vốn cộng đồng cho DNNVV.

Gọi vốn cộng đồng (Crowd funding) là hình thức huy động vốn thông qua các giao dịch tài chính đặc thù có sự tham gia của 3 bên: bên gọi vốn (là các chủ dự án, có thể là DN, tổ chức hay cá nhân, cần sự giúp đỡ về vốn của cộng đồng); bên cấp vốn (những người có khả năng tài chính, có nhu cầu giúp đỡ đầu tư vào các dự án, họ có thể là nhà đầu tư có tổ chức; nhà đầu tư tư nhân) và bên thứ ba trung gian kết nối giữa chủ dự án gọi vốn cộng đồng, và người có nhu cầu góp vốn thông qua thiết lập nền tảng gọi vốn (Website). Những năm gần đây hình thức huy động vốn cộng đồng ở các nước rất phát triển, hình thức này đã giúp kết nối các nhà đầu tư sẵn sàng đóng góp vốn cổ phần vào công ty hoặc dự án, cho phép các nhà đầu tư được chia lợi nhuận trong tương lai của DN. Hiện nay, việc truy cập internet rất phổ biến, các DNNVV có thể mở rộng khả năng tiếp cận tới các nhà đầu tư tiềm năng, chấp nhận rủi ro của nền tảng gọi vốn cộng đồng. Chính việc phát triển gọi vốn cộng đồng đã giúp lấp khoảng trống trên thị trường tín dụng, giúp DNNVV có vốn thông qua dòng tín dụng mới, **với chi phí thấp hơn kênh tín dụng truyền thống.**

Ở Việt Nam, trong điều kiện các DNNVV còn nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, thì việc huy động vốn cộng đồng thông qua hình thức trực tuyến là biện pháp rất cần được phát triển, bởi những lý do sau:

Một là: Hình thức gọi vốn này thu hút sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, trong đó có nhiều nhà đầu tư nhỏ lẻ. Theo cách này, các nhà đầu tư được lựa chọn các DA để tài trợ mang lại lợi tức cao hơn so với phương án gửi tiết kiệm truyền thống.

Hai là: Với nền tảng gọi vốn cộng đồng, các DNNVV có thể tiếp cận với chi phí vốn thấp hơn (các thủ tục giấy tờ hành chính thông qua nền tảng trực tuyến), tiết kiệm được thời gian, không phân biệt không gian và khoảng cách địa lý.

Ba là: Khoản tài trợ trong hình thức gọi vốn cộng đồng được sự đồng thuận từ hai phía, nhà đầu tư chủ động lựa chọn các DA mà nhà đầu tư kỳ vọng có khả năng tăng trưởng trong tương lai.

Hình thức gọi vốn Cộng đồng tuy còn khá mới mẻ đối với số đông doanh nghiệp⁵, nhưng đã có hàng trăm DN thành công trong hình thức gọi vốn này. Tuy nhiên các quy định pháp lý về hình thức gọi vốn này – còn có khoảng trống, hoặc đã có quy định, nhưng chưa hợp lý⁶. Vì thế để phát triển hình thức gọi vốn

⁵ Ở Việt Nam, gọi vốn cộng đồng xuất hiện từ năm 2013

⁶ ND 38/2018/ND-CP đã tạo lập khung pháp lý để thúc đẩy và hỗ trợ DNNV khởi nghiệp, sáng tạo, nhưng ND này không có tiêu chí cụ thể cho nhà đầu tư tham gia vào quỹ; hoặc sử dụng vốn nhà nước cũng đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo chưa cụ thể. Điều này sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các bên, nhất là bên đầu tư.

Formatted: Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: 11 pt, Not Italic

này cần phải nhanh chóng hoàn thiện hành lang pháp lý quy định nền tảng gọi vốn, trong đó có thành lập, vận hành và cơ chế hoạt động của sàn giao dịch gọi vốn cộng đồng; vấn đề công bố thông tin cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia.

Thứ năm: Bên cạnh việc giải quyết “điểm nghẽn” từ cơ chế chính sách về tin dụng ngân hàng cũng như hoàn thiện hành lang pháp lý cho hình thức gọi vốn cộng đồng, thì các DN-NVV rất cần tự hoàn thiện thông qua việc nâng cao năng lực quản trị. Bởi yếu tố then chốt khi quyết định đưa vốn vào DN là lòng tin, mà lòng tin được phản ánh qua hệ thống quản trị. Nếu lòng tin không được chú trọng tạo dựng, DN rất khó thu hút đầu tư, kể cả hình thức vay vốn cộng đồng. Do đó nâng cao năng lực quản trị, xây dựng và áp dụng mô hình quản trị phù hợp với đặc điểm, tính chất và quy mô hoạt động của từng DN-NVV phải được coi là việc làm cấp thiết hiện nay. Cần có sự hỗ trợ tài chính của Chính phủ (Bộ Tài chính, Bộ KHĐT) qua Hiệp hội SME Việt Nam để tổ chức nhiều khóa đào tạo quản trị Doanh nghiệp cho các Doanh nghiệp SME trong cả nước.